

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I**

GIÁO TRÌNH

**Mô đun: Vận hành máy rải thi công
mặt đường**

**NGHỀ: VẬN HÀNH MÁY THI CÔNG
MẶT ĐƯỜNG**

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Hà Nội – 2017

LỜI NÓI ĐẦU

Cơ giới hóa công tác đất đóng vai trò quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước nói chung và công tác thi công nền nói riêng. Trong đó máy rải là loại máy điển hình trong công việc rải vật liệu làm nền và mặt đường

Tài liệu “Vận hành máy rải” được biên soạn nhằm mục đích bồi dưỡng cho giảng viên, giáo viên giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề, nghề Vận hành máy thi công nền mặt chưa đạt chuẩn kỹ năng theo quy định. Tài liệu tập trung hướng dẫn thực hiện kỹ năng vận hành các cơ cấu, hệ thống, bộ phận chính của máy rải đồng thời trang bị thêm những kiến thức về vận hành máy rải thi công các loại đường khác nhau

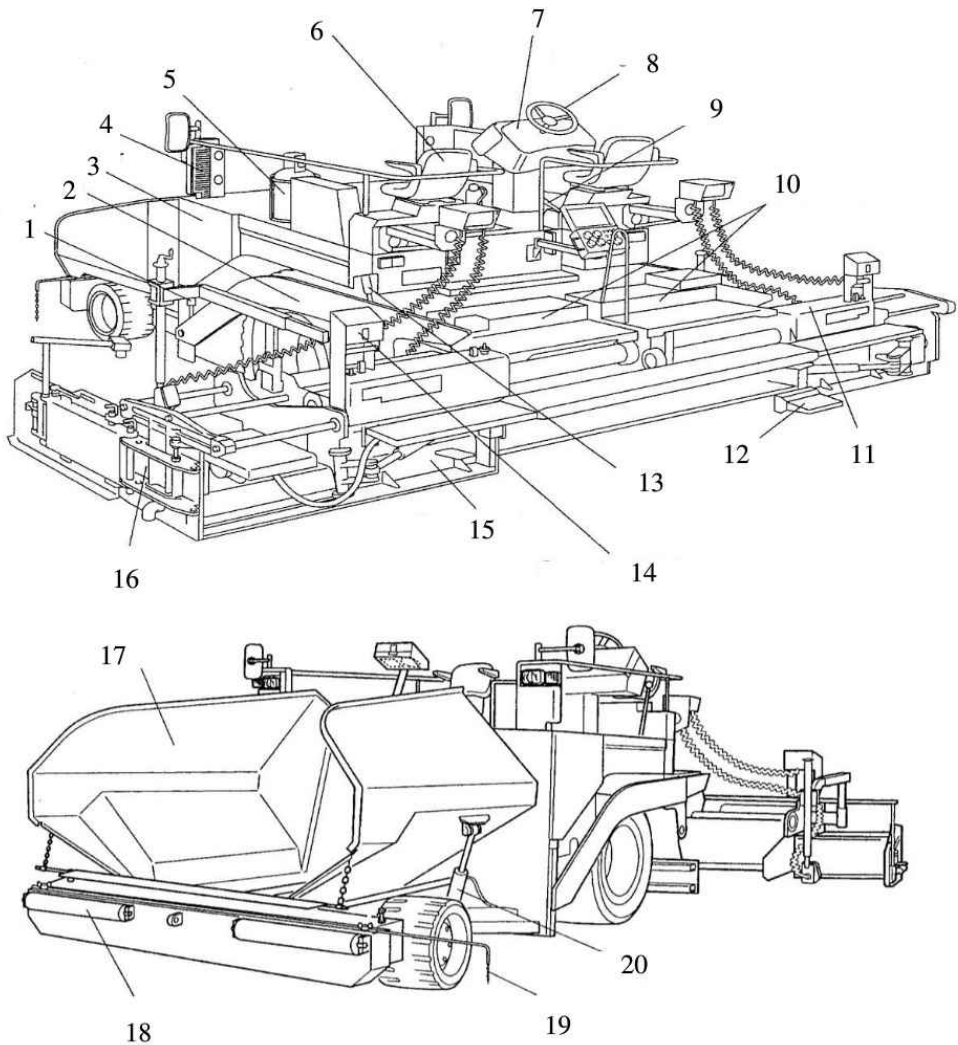
Tuy nhiên do thời gian và trình độ còn hạn chế nên tài liệu không thể tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo và các bạn đồng nghiệp ...

BÀI 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÁY RẢI

1. Thiết bị điều khiển máy

MÁY RẢI THẢM HA60W-3

1.1. Cấu tạo chung



Chú thích:

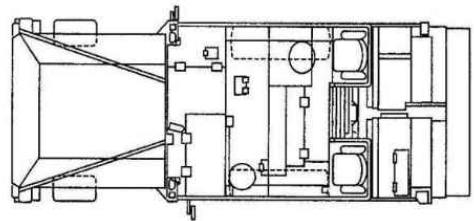
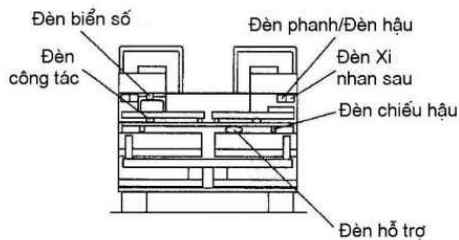
- | | | | |
|--|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Xi lanh điều chỉnh độ cao thanh gạt | 6. Ghế ngồi lái | 11. Thanh gạt sau | 16. Tấm chắn |
| 2. Tay đỡ thanh gạt | 7. Bảng điều khiển | 12. Bậc lên xuống | 17. Thùng chứa |
| 3. Nắp | 8. Vô lăng lái | 13. Xilanh nâng thanh gạt | 18. Con lăn đẩy |
| 4. Thước đo độ dày lớp rải | 9. Phanh dừng | 14. Hộp điều khiển thanh gạt | 19. Xích dẫn hướng di chuyển |
| 5. Bình ga | 10. Thanh gạt trước | 15. Thanh gạt sau | 20. Xi lanh nâng thùng |

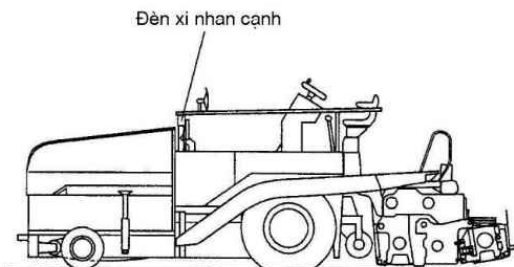
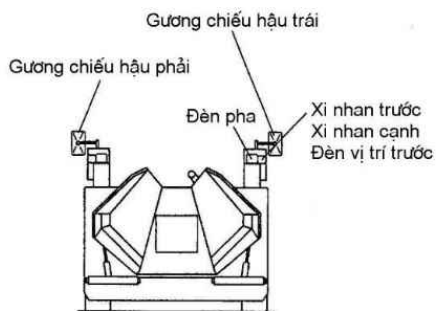
1.2. Đặc tính kỹ thuật:

- Tốc độ di chuyển : Tiến và lùi từ 0 ~ 15 km/h
- Tải trọng toàn bộ : 25.090 kg
- Chiều cao : 2580mm
- Chiều dài : 6355mm
- Chiều rộng : 2490mm
- Chiều rộng rải : 2500~6000mm
- Mã hiệu động cơ : Mitsubishi 4D34TE
- Công suất động cơ : 95PS / 2000 v/p
- Dung tích buồng đốt : 3907cc

1.Thiết bị điều khiển tín hiệu

1.1. Các đèn chiếu và gương chiếu.





Các đèn báo của màn hiển thị



1- Đèn báo mức dầu thủy lực



2 - Đèn báo nạp điện



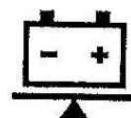
3- Đèn báo tắc bầu lọc khí



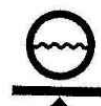
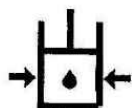
4 - Đèn báo phanh



5- Đèn báo áp suất dầu động cơ

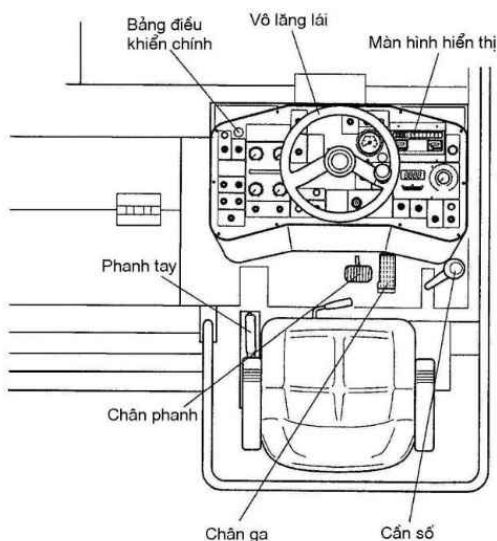


6 - Đèn báo thiếu nước ắc qui



2. . Thiết bị điều khiển máy:

2.1. Các bộ phận điều khiển.



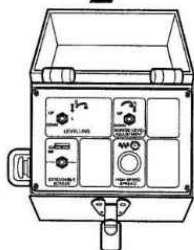
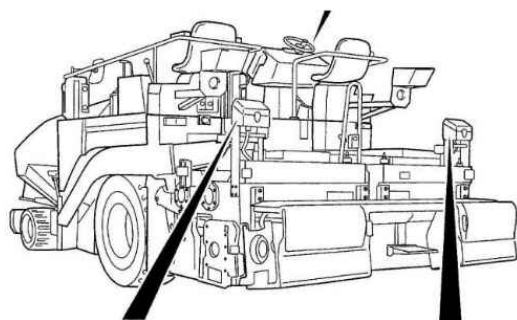
Bộ điều chỉnh mũi lượn được sử dụng khi tạo mũi lượn cho bề mặt rải

Các thanh gạt được dùng tạo mũi lượn có vị trí khác nhau phụ thuộc vào yêu cầu điều chỉnh mũi lượn. Tất cả các thanh gạt bên trái, bên phải đều được sử dụng để tạo độ dốc ngang hai mái và với việc tạo độ dốc ngang một mái thì chỉ có các thanh gạt phía sau được sử dụng.

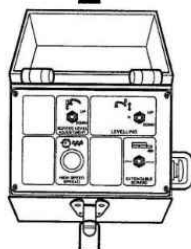
Hãy điều chỉnh độ dốc ngang đáp ứng các điều kiện của lớp rải

Bộ điều chỉnh mũi lượn được sử dụng khi tạo mũi lượn cho bề mặt rải

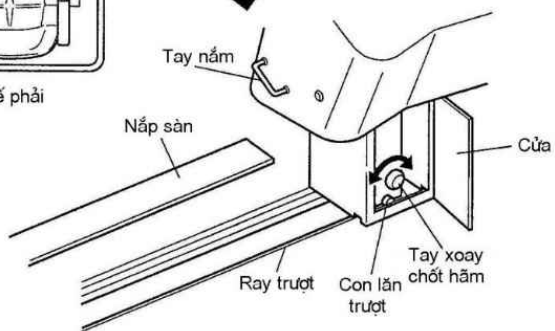
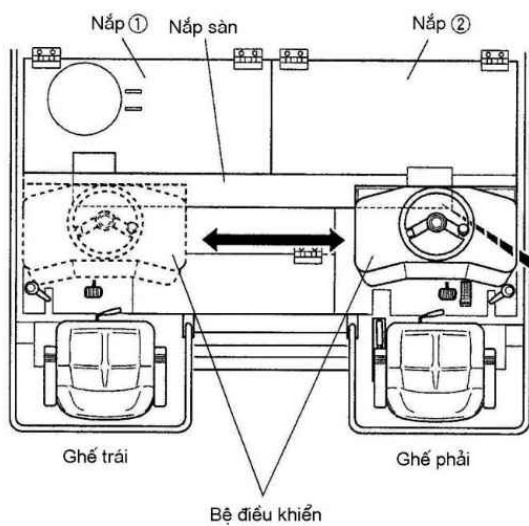
Các thanh gạt được dùng tạo mũi lượn có vị trí khác nhau phụ thuộc vào yêu cầu điều chỉnh mũi lượn. Tất cả các thanh gạt bên trái, bên phải đều được sử dụng để tạo độ dốc ngang hai mái và với việc tạo độ dốc ngang một mái thì chỉ có các thanh gạt phía sau được sử dụng. Hãy điều chỉnh độ dốc ngang đáp ứng các điều kiện của lớp rải



Hộp điều khiển thanh gạt trái



Hộp điều khiển thanh gạt phải

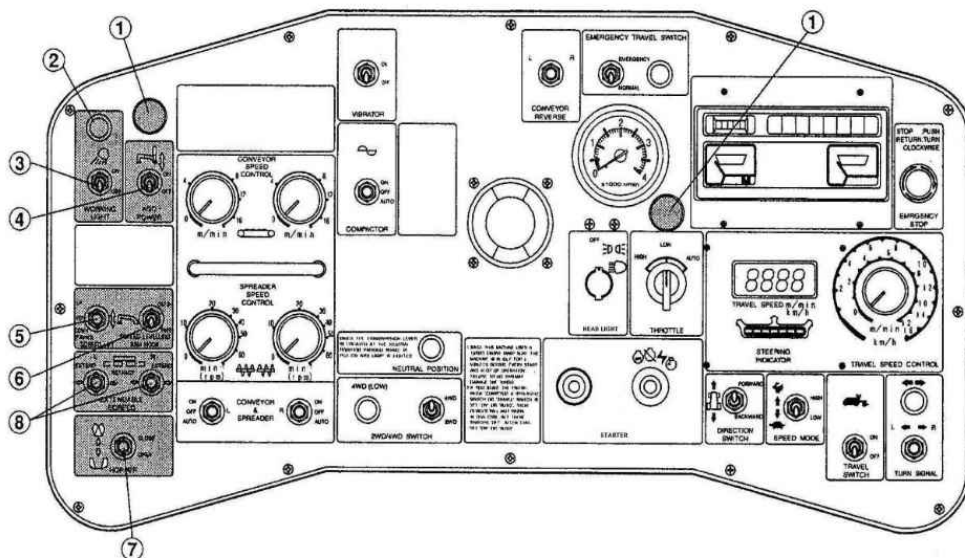


Chú ý:

Có thể di chuyển bộ điều khiển từ bên phải (vị trí ghế phải) sang bên trái (vị trí ghế trái) nhờ ray trượt như hình vẽ trên.

2.2. Màn hình hiển thị.

2.2.1. Công tắc và màn hình hiển thị



1. Đèn bảng điều khiển (trắng)

2. Đèn báo làm việc (da cam)

3. Công tắc đèn làm việc

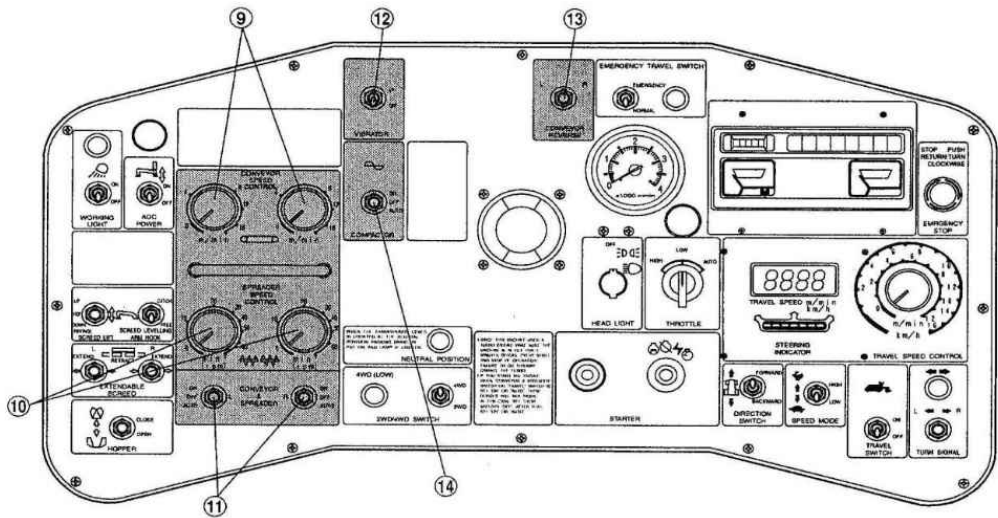
4. Công tắc nguồn bộ điều khiển tự động gạt bằng

5. Công tắc xi lanh thanh gạt

6. Công tắc khoá thanh gạt

7. Công tắc xilanh điều khiển thùng chứa

8. Công tắc xilanh mở rộng thanh gạt



9. Nút điều khiển
tốc độ bằng tải

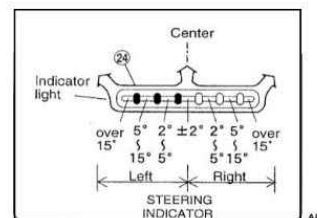
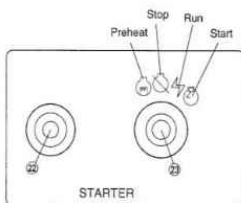
10. Nút điều khiển
tốc độ thanh
ruột gà

11. Công tắc bằng
tải và bộ phận
rải (thanh ruột
gà)

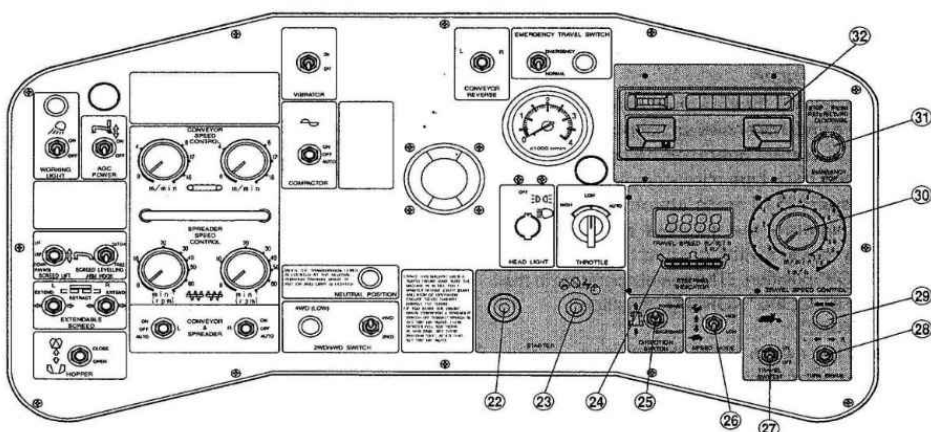
12. Công tắc rung

13. Công tắc lùi
bằng tải

14. Công tắc chế độ
đảm



- | | |
|--|--------------------------------------|
| 15. Đèn số mo (màu xanh lá cây) | 26. Công tắc đảo chiều |
| 16. Đèn công tắc 2WD/4WD (1 cầu/ 2 cầu) | 27. Công tắc chọn tốc độ di chuyển |
| 17. Công tắc chọn chế độ 2WD/4WD | 28. Công tắc di chuyển. |
| 18. Công tắc chọn chế độ di chuyển khẩn cấp | 29. Công tắc xi nhan |
| 19. Đèn tín hiệu chế độ di chuyển khẩn cấp. | 30. Đèn báo xi nhan |
| 20. Công tắc đèn pha. Công tắc lựa chọn tốc độ động cơ | 31. Nút điều khiển tốc độ di chuyển. |
| 21. Bugi sấy nóng | 32. Công tắc dừng khẩn cấp |
| 22. Công tắc khởi động | 33. Màn hình hiển thị |
| Đồng hồ báo góc hướng lái bánh trước. | |
| 24. Đồng hồ báo góc hướng lái | |
| 25. Công tắc đảo chiều | |



1.2.2. Màn hình hiển thị

